

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THANH HÓA**

Bản án số: 23/2026/HS-ST

Ngày 12-03-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Ton; 2. Ông Lê Quang Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Bà Đinh Ngọc Thùy – Kiểm sát viên; **Đại diện VKSND khu vực 10 – Thanh Hóa:** Ông Nguyễn Minh C - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn B; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 23/10/1993, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú và nơi ở hiện tại: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; họ tên bố: Lương Văn T, sinh năm 1970; họ tên mẹ: Vi Thị L, sinh năm 1973; gia đình có 03 anh chị em, bị can là con thứ hai; vợ: Lương Thị P, sinh năm 1993, bị can có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thu H - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Lang Văn T1 - Sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lương Thị P – sinh 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng cuối tháng 10 năm 2025, **Lương Văn B** làm công nhân hàn xì tại công trình thi công **đường C** – Nam thuộc địa bàn **thị xã H, tỉnh Bình Định**. Trong thời gian làm việc tại đây, **B** thấy một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đang sử dụng một khẩu súng nén hơi màu đen để bắn chim, cò trên đồi trồng keo gần khu vực công trình. **B** đã hỏi mua khẩu súng này để sử dụng vào mục đích săn bắn và được người đàn ông trên đồng ý bán với giá 12.000.000 đồng, kèm theo 20 viên đạn súng nén hơi.

Sau khi mua súng, **B** tháo rời khẩu súng thành ba bộ phận gồm: nòng súng, thân súng và bình hơi, rồi cho vào ba lô cùng với quần áo và số đạn nói trên, mang theo khi đi xe khách trở về nhà tại **thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**. Khi về đến nhà, **B** lắp các bộ phận lại thành khẩu súng hoàn chỉnh rồi cất giấu tại phòng ngủ của mình.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2025, **B** lấy khẩu súng nén hơi nói trên cho vào một chiếc bì xác rắn màu xanh, đồng thời bỏ 20 viên đạn vào túi quần rồi đi bộ từ nhà theo **đường Q** hướng về khu vực rừng thuộc **thôn L, xã Y** với mục đích mang khẩu súng này đi cất giấu để thuận tiện cho việc săn bắn động vật.

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 11/12/2025, khi **B** đi đến khu vực Km 114+850, **đường Q** thuộc **thôn C, xã Y, tỉnh Thanh Hóa** thì bị tổ công tác của **Công an xã Y** đang tuần tra, kiểm soát phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong chiếc bì xác rắn màu xanh do **B** cầm theo có 01 khẩu súng màu đen, trên thân súng có dòng chữ “COMMSO PE LM88E”. Kiểm tra túi quần của **B**, tổ công tác phát hiện và thu giữ thêm 20 vật hình trụ tròn bằng kim loại, dạng hình nắm, màu xám. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ và niêm phong các đồ vật liên quan theo quy định.

Ngày 12/12/2025, Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** Quyết định trưng cầu giám định đối với khẩu súng và số đạn thu giữ. Tại Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 30/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: 01 khẩu súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E” gửi giám định là súng nén hơi, hiện còn sử dụng bắn được, thuộc vũ khí quân dụng; 20 vật hình nắm bằng kim loại màu xám gửi giám định là đạn súng nén hơi, nén khí, thuộc vũ khí quân dụng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 khẩu súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E” là súng nén hơi, hiện còn sử dụng được và 20 viên đạn súng nén hơi. Sau khi giám định, số vật chứng còn lại gồm 01 khẩu súng và 19 viên đạn hiện đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chị **Lương Thị P**, sinh năm 1993, trú tại **thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa** là vợ của **Lương Văn B**, mặc dù cùng sinh sống với **B** nhưng không biết việc **B** tàng trữ, cất giấu vũ khí tại chỗ ở nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông đã bán súng và đạn cho **Lương Văn B** tại **thị xã H, tỉnh Bình Định**, do **B** không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-P1 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo **Lương Văn B** về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 304 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo **Lương Văn B**, phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn B** từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 đến 42 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **Lương Văn B** là bà **Lê Thu H** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T** có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa. Nội dung bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” đối với bị cáo.

Người bào chữa trình bày bị cáo phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; mục đích mua và tàng trữ súng chỉ để đi săn bắn nhằm cải thiện cuộc sống gia đình, không có mục đích khác. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 304 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình phạt,

cho bị cáo được hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận của bị cáo Lương Văn B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản phát hiện, thu giữ vật chứng; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 11/12/2025, tại khu vực K+850 đường Q thuộc thôn C, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, tổ công tác của Công an xã Y đang tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn thì phát hiện Lương Văn B đang đi bộ theo hướng từ thôn N đến thôn C, trên tay cầm một bì xác rắn màu xanh có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện bên trong bì xác rắn có 01 khẩu súng màu đen, trên thân súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E”, đồng thời thu giữ trong túi quần của B 20 vật bằng kim loại dạng hình nấm, màu xám. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ và niêm phong các đồ vật theo quy định.

Theo Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 30/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: 01 khẩu súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E” là súng nén hơi, hiện còn sử dụng bắn được, thuộc vũ khí quân dụng; 20 vật dạng hình nấm bằng kim loại màu xám là đạn súng nén hơi, nén khí, thuộc vũ khí quân dụng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng cuối tháng 10 năm 2025, khi làm công nhân hàn xì tại công trình thi công đường C - Nam ở thị xã H, tỉnh Bình Định, Lương Văn B đã mua của một người đàn ông không quen biết 01 khẩu súng nén hơi màu đen và 20 viên đạn với giá 12.000.000 đồng để sử dụng săn bắn. Sau khi

mua súng, B tháo rời khẩu súng thành các bộ phận, cho vào ba lô mang về nhà tại thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, sau đó lắp lại và cất giấu trong phòng ngủ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2025, B mang khẩu súng trên đựng trong bì xác rắn màu xanh, bỏ 20 viên đạn vào túi quần rồi đi bộ theo Quốc lộ D hướng về khu vực rừng thuộc thôn L, xã Y để cất giấu và thuận tiện cho việc săn bắn thì bị tổ công tác Công an xã Y phát hiện, kiểm tra và thu giữ.

Hành vi của bị cáo Lương Văn B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lương Văn B đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lương Văn B về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi và hậu quả của vụ án: Đây là vụ án xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo Lương Văn B là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã tàng trữ trái phép 01 khẩu súng nén hơi có ký hiệu “COMMSO PE LM88E” và 20 viên đạn súng nén hơi. Theo kết luận giám định, khẩu súng và số đạn nêu trên thuộc vũ khí quân dụng theo quy định của pháp luật. Hành vi này không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ vũ khí quân dụng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Khoảng cuối tháng 10 năm 2025, bị cáo đã mua khẩu súng và số đạn của một người đàn ông không quen biết để sử dụng săn bắn, sau đó mang về cất giấu tại nơi ở của mình. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2025, bị cáo mang theo khẩu súng và 20 viên đạn đi bộ theo Quốc lộ D hướng đến khu vực rừng thuộc thôn L, xã Y nhằm cất giấu và thuận tiện cho việc săn bắn thì bị lực lượng Công an phát hiện, kiểm tra và thu giữ. Việc bị cáo tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý vũ khí của Nhà nước, tiềm ẩn nguy cơ gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Bị cáo **Lương Văn B** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo chưa bị kết án lần nào, có nơi cư trú rõ ràng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Lương Văn B** đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ủng hộ số tiền 500.000 đồng cho Quỹ người nghèo **xã Y** vào ngày 04/3/2026, thể hiện ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Lương Văn B** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo **Lương Văn B** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý bằng hình phạt tương xứng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ngoài ra bị cáo đã tự nguyện ủng hộ số tiền 500.000 đồng cho Quỹ người nghèo **xã Y** vào ngày 04/3/2026. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo.

Xét thấy mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo không quá 03 năm tù và bị cáo có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình bị cáo có nhiều khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét về phần vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** đã thu giữ 01 khẩu súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E” là súng nén hơi, hiện còn sử dụng bắn được và 20 viên đạn súng nén hơi, nén khí. Theo Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 30/12/2025 của **Phòng**

K Công an tỉnh T xác định khẩu súng và số đạn nêu trên thuộc vũ khí quân dụng. Sau khi giám định, vật chứng còn lại gồm 01 khẩu súng và 19 viên đạn hiện đang lưu trữ theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định giữa Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** và **Phòng K**, tỉnh Thanh Hóa ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Xét thấy đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và là công cụ liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng hợp pháp nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo **Lương Văn B** bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo **Lương Văn B** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn B** 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Giao bị cáo **Lương Văn B** cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.*

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Tịch thu giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định: 01 khẩu súng có ký hiệu “COMMSO PE LM88E”, là súng nén hơi, màu đen và 19 viên đạn súng nén hơi, nén khí, dạng hình nắm bằng kim loại màu xám.

Hiện các vật chứng trên đang lưu trữ theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T và Phòng K, tỉnh Thanh Hóa ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Về án phí: Buộc bị Lương Văn B phải nộp 200.000đ án phí HS-ST.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND KV10 – Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA DS Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Công Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Sơn

Nguyễn Xuân Ký

Ngô Công Tuấn